

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN30

Kỳ 7/2026

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,804,421,957	85%	42.94%	
2	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	7,280,065,210	6%	42.94%	
3	BSR	CTCP - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam	5,007,299,686	8%	100%	
4	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,766,944,637	15%	42.94%	
5	FPT	CTCP FPT	1,703,507,121	85%	100%	
6	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	2,412,949,756	5%	100%	
7	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	4,000,000,000	4%	100%	
8	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	5,005,276,323	80%	42.94%	
9	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	8,442,964,520	60%	100%	
10	LPB	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam	2,987,282,100	90%	42.94%	
11	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	8,054,999,909	50%	42.94%	
12	MCH	CTCP Hàng tiêu dùng Masan	1,294,493,545	20%	100%	
13	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1,445,915,457	60%	100%	
14	MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	1,468,423,529	75%	100%	
15	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1,282,562,372	11%	100%	
16	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5,053,074,221	75%	42.94%	
17	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3,428,800,000	55%	42.94%	
18	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	2,501,097,752	70%	42.94%	
19	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lọc	1,885,215,716	95%	42.94%	
20	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7,086,240,414	55%	42.94%	
21	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	2,773,896,803	15%	42.94%	
22	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,355,675,094	11%	42.94%	
23	VHM	CTCP Vinhomes	4,107,412,004	30%	30.33%	
24	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3,404,005,710	55%	42.94%	
25	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	7,706,031,024	30%	23.43%	
26	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	769,092,961	35%	100%	
27	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	2,089,955,445	40%	100%	
28	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	7,933,923,601	55%	42.94%	
29	VPL	CTCP Vinpearl	1,793,300,377	15%	30.33%	
30	VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100%	

Danh mục cổ phiếu dự phòng chỉ số VN30

Stt	Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%
2	BCM	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	1,035,000,000	4%
3	GEE	CTCP Điện lực Gelex	640,499,211	14%
4	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%
5	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,270,592,235	10%

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VNMIIDCAP

Kỳ 7/2026

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	ANV	CTCP Nam Việt	266,255,750	30%	100%	
2	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	364,824,906	70%	100%	
3	BCM	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	1,035,000,000	4%	100%	
4	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81,860,938	45%	100%	
5	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	269,901,549	14%	100%	
6	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%	100%	
7	BWE	CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	219,928,644	25%	100%	
8	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	671,985,291	95%	100%	
9	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	232,900,908	40%	100%	
10	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	111,823,220	55%	100%	
11	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	128,112,184	35%	100%	
12	CTS	CTCP Chứng khoán VIETINBANK	272,244,939	25%	100%	
13	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	431,046,499	70%	100%	
14	DCM	CTCP - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	529,400,000	25%	100%	
15	DGW	CTCP Thế Giới Số	221,168,700	55%	100%	
16	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	796,431,191	95%	100%	
17	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	679,925,021	40%	100%	
18	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	428,249,806	35%	100%	
19	DXG	CTCP Bluemarq Group	1,268,104,965	80%	100%	
20	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,862,720,607	80%	100%	
21	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực	760,565,802	95%	100%	
22	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	178,816,874	55%	100%	
23	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	381,145,750	40%	100%	
24	GEE	CTCP Điện lực Gelex	640,499,211	14%	100%	
25	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	1,308,471,358	70%	100%	
26	GMD	CTCP Gemadept	426,495,109	95%	100%	
27	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	1,267,399,283	50%	100%	
28	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	1,079,956,671	55%	100%	
29	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	406,957,333	60%	100%	
30	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	574,524,610	85%	100%	
31	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	807,262,704	70%	100%	
32	HT1	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên	381,589,911	25%	100%	
33	KBC	Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	941,754,759	65%	100%	
34	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	276,345,300	45%	100%	
35	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	1,122,214,899	65%	100%	
36	KOS	CTCP KOSY	216,481,335	40%	100%	
37	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3,120,000,000	70%	100%	
38	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	2,058,822,282	80%	100%	
39	NKG	CTCP Thép Nam Kim	492,323,961	75%	100%	
40	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	485,097,383	80%	100%	
41	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287,876,029	30%	100%	
42	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	2,402,067,972	55%	100%	
43	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3,062,510,126	30%	100%	
44	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN	250,673,166	45%	100%	
45	PC1	CTCP Tập đoàn PC1	411,285,343	60%	100%	
46	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	997,809,379	60%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
47	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	135,499,198	35%	100%	
48	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,270,592,235	10%	100%	
49	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	511,721,959	90%	100%	
50	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	3,067,845,688	20%	100%	
51	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	927,763,730	50%	100%	
52	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	516,924,358	50%	100%	
53	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	622,899,036	35%	100%	
54	SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	906,415,042	60%	100%	
55	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	242,112,943	45%	100%	
56	SJS	CTCP SJ Group	297,474,828	80%	100%	
57	TAL	CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco	503,999,708	30%	100%	
58	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	912,109,224	60%	100%	
59	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,774,046,873	55%	100%	
60	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	698,185,802	55%	100%	
61	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,147,631,925	75%	100%	
62	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%	100%	
63	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	448,350,000	12%	100%	
64	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	209,453,159	40%	100%	
65	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,450,287,772	100%	100%	
66	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100%	
67	VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	320,049,577	50%	100%	
68	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%	100%	
69	VSC	CTCP Container Việt Nam	374,370,362	95%	100%	
70	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	201,894,288	40%	100%	

Danh mục cổ phiếu dự phòng chỉ số VNMidcap

Stt	Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	188,340,401	60%
2	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	816,360,672	85%
3	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật	629,580,640	50%
4	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy	431,985,968	40%
5	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	623,930,904	50%
6	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	179,985,863	40%
7	GEG	CTCP Điện Gia Lai	376,220,525	25%
8	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	579,103,124	40%
9	ACG	CTCP Gỗ An Cường	150,787,946	11%
10	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	95,907,682	45%

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN100

Kỳ 7/2026

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,804,421,957	85%	100%	
2	ANV	CTCP Nam Việt	266,255,750	30%	100%	
3	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	364,824,906	70%	100%	
4	BCM	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	1,035,000,000	4%	100%	
5	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	7,280,065,210	6%	100%	
6	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81,860,938	45%	100%	
7	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	269,901,549	14%	100%	
8	BSR	CTCP - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam	5,007,299,686	8%	100%	
9	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%	100%	
10	BWE	CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	219,928,644	25%	100%	
11	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	671,985,291	95%	100%	
12	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	232,900,908	40%	100%	
13	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	111,823,220	55%	100%	
14	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,766,944,637	15%	100%	
15	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	128,112,184	35%	100%	
16	CTS	CTCP Chứng khoán VIETINBANK	272,244,939	25%	100%	
17	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	431,046,499	70%	100%	
18	DCM	CTCP - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	529,400,000	25%	100%	
19	DGW	CTCP Thế Giới Số	221,168,700	55%	100%	
20	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	796,431,191	95%	100%	
21	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	679,925,021	40%	100%	
22	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	428,249,806	35%	100%	
23	DXG	CTCP Bluemarq Group	1,268,104,965	80%	100%	
24	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,862,720,607	80%	100%	
25	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực	760,565,802	95%	100%	
26	FPT	CTCP FPT	1,703,507,121	85%	100%	
27	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	178,816,874	55%	100%	
28	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	381,145,750	40%	100%	
29	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	2,412,949,756	5%	100%	
30	GEE	CTCP Điện lực Gelex	640,499,211	14%	100%	
31	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	1,308,471,358	70%	100%	
32	GMD	CTCP Gemadept	426,495,109	95%	100%	
33	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	4,000,000,000	4%	100%	
34	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	1,267,399,283	50%	100%	
35	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	1,079,956,671	55%	100%	
36	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	5,005,276,323	80%	100%	
37	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	406,957,333	60%	100%	
38	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	574,524,610	85%	100%	
39	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	8,442,964,520	60%	100%	
40	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	807,262,704	70%	100%	
41	HT1	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên	381,589,911	25%	100%	
42	KBC	Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	941,754,759	65%	100%	
43	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	276,345,300	45%	100%	
44	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	1,122,214,899	65%	100%	
45	KOS	CTCP KOSY	216,481,335	40%	100%	
46	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	2,987,282,100	90%	100%	
47	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	8,054,999,909	50%	100%	
48	MCH	CTCP Hàng tiêu dùng Masan	1,294,493,545	20%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
49	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3,120,000,000	70%	100%	
50	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1,445,915,457	60%	100%	
51	MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	1,468,423,529	75%	100%	
52	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	2,058,822,282	80%	100%	
53	NKG	CTCP Thép Nam Kim	492,323,961	75%	100%	
54	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	485,097,383	80%	100%	
55	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287,876,029	30%	100%	
56	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	2,402,067,972	55%	100%	
57	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3,062,510,126	30%	100%	
58	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN	250,673,166	45%	100%	
59	PC1	CTCP Tập đoàn PC1	411,285,343	60%	100%	
60	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	997,809,379	60%	100%	
61	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	135,499,198	35%	100%	
62	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,270,592,235	10%	100%	
63	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	511,721,959	90%	100%	
64	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	3,067,845,688	20%	100%	
65	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	927,763,730	50%	100%	
66	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	516,924,358	50%	100%	
67	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	622,899,036	35%	100%	
68	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1,282,562,372	11%	100%	
69	SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	906,415,042	60%	100%	
70	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5,053,074,221	75%	100%	
71	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	242,112,943	45%	100%	
72	SJS	CTCP SJ Group	297,474,828	80%	100%	
73	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3,428,800,000	55%	100%	
74	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	2,501,097,752	70%	100%	
75	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	1,885,215,716	95%	100%	
76	TAL	CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco	503,999,708	30%	100%	
77	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7,086,240,414	55%	100%	
78	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	912,109,224	60%	100%	
79	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	2,773,896,803	15%	100%	
80	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,774,046,873	55%	100%	
81	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,355,675,094	11%	100%	
82	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	698,185,802	55%	100%	
83	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,147,631,925	75%	100%	
84	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%	100%	
85	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	448,350,000	12%	100%	
86	VHC	CTCP Vinh Hoàn	209,453,159	40%	100%	
87	VHM	CTCP Vinhomes	4,107,412,004	30%	100%	
88	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3,404,005,710	55%	100%	
89	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	7,706,031,024	30%	55.05%	
90	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,450,287,772	100%	100%	
91	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	769,092,961	35%	100%	
92	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100%	
93	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	2,089,955,445	40%	100%	
94	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	7,933,923,601	55%	100%	
95	VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	320,049,577	50%	100%	
96	VPL	CTCP Vinpearl	1,793,300,377	15%	100%	
97	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%	100%	
98	VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100%	
99	VSC	CTCP Container Việt Nam	374,370,362	95%	100%	
100	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	201,894,288	40%	100%	

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CHỈ SỐ VNSMALLCAP

Kỳ 7/2026

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	393,742,730	50%	100%	
2	AAM	CTCP Thủy Sản Mekong	10,451,182	35%	100%	
3	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	11,777,257	20%	100%	
4	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	104,999,993	30%	100%	
5	ACG	CTCP Gỗ An Cường	150,787,946	11%	100%	
6	ACL	CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang	50,159,019	20%	100%	
7	ADG	CTCP Clever Group	21,380,521	30%	100%	
8	ADP	CTCP Sơn Á Đông	23,039,850	35%	100%	
9	ADS	CTCP DAMSAN	76,394,727	55%	100%	
10	AFX	CTCP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	35,000,000	40%	100%	
11	AGG	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	162,528,081	60%	100%	
12	AGR	CTCP Chứng khoán Argibank	228,311,776	30%	100%	
13	APG	CTCP Chứng khoán APG	223,621,942	80%	100%	
14	APH	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	243,884,268	60%	100%	
15	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	407,194,183	55%	100%	
16	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	37,339,542	40%	100%	
17	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	54,000,000	30%	100%	
18	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	41,999,846	55%	100%	
19	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	57,167,993	30%	100%	
20	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	202,067,057	15%	100%	
21	BKG	CTCP Đầu tư BKG Việt Nam	71,609,020	70%	100%	
22	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định	12,392,630	60%	100%	
23	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	150,547,626	30%	100%	
24	BRC	CTCP Cao Su Bến Thành	12,374,997	13%	100%	
25	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa	60,485,600	20%	100%	
26	C32	CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2	30,058,290	35%	100%	
27	C47	CTCP Xây Dựng 47	36,342,269	50%	100%	
28	CCC	CTCP Xây dựng CDC	41,054,987	20%	100%	
29	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	65,539,559	80%	100%	
30	CDC	CTCP Chương Dương	105,545,322	50%	100%	
31	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung	157,658,076	30%	100%	
32	CIG	CTCP COMA18	51,039,947	40%	100%	
33	CKG	CTCP Tập đoàn CIC	161,807,526	80%	100%	
34	CLL	CTCP Cảng Cát Lái	34,000,000	45%	100%	
35	CMX	CTCP Camimex Group	101,898,990	40%	100%	
36	CNG	CTCP CNG Việt Nam	35,099,298	30%	100%	
37	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam	106,699,924	50%	100%	
38	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ	463,678,426	40%	100%	
39	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103,625,262	45%	100%	
40	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	110,499,910	35%	100%	
41	CTF	CTCP City Auto	95,653,859	45%	100%	
42	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico	62,999,997	90%	100%	
43	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	30,259,742	45%	100%	
44	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	84,200,000	65%	100%	
45	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	94,489,262	80%	100%	
46	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre	21,967,262	30%	100%	
47	DC4	CTCP DICERA HOLDINGS	108,059,274	50%	100%	
48	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long	73,041,030	40%	100%	
49	DHA	CTCP Hóa An	14,721,073	45%	100%	
50	DHC	CTCP Đông Hải Bến Tre	106,250,326	70%	100%	
51	DHM	CTCP Đầu tư và Thương mại DHM	34,535,699	30%	100%	
52	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	299,309,720	70%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
53	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	118,587,096	55%	100%	
54	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	86,885,932	45%	100%	
55	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng	154,429,283	50%	100%	
56	DRL	CTCP Thủy Điện - Điện Lực 3	9,500,000	70%	100%	
57	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	278,471,711	15%	100%	
58	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen	12,083,009	55%	100%	
59	DTA	CTCP Đệ Tam	19,504,499	55%	100%	
60	DVP	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Cảng Đình Vũ	40,000,000	30%	100%	
61	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	579,103,124	40%	100%	
62	DXV	CTCP Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	9,900,000	25%	100%	
63	ELC	CTCP Công nghệ - Viễn thông ELCOM	110,047,218	60%	100%	
64	EVE	CTCP Everpia	41,979,773	70%	100%	
65	EVG	CTCP Tập đoàn Everland	226,012,327	55%	100%	
66	FCM	CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam	46,226,626	50%	100%	
67	FCN	CTCP Fecon	157,439,005	65%	100%	
68	FIR	CTCP Địa ốc First Real	70,669,620	80%	100%	
69	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	339,933,034	70%	100%	
70	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	65,388,889	20%	100%	
71	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành	27,075,830	55%	100%	
72	GEG	CTCP Điện Gia Lai	376,220,525	25%	100%	
73	GIL	CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	101,596,218	80%	100%	
74	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	67,517,050	30%	100%	
75	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	188,340,401	60%	100%	
76	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco	110,942,302	25%	100%	
77	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền	95,684,090	70%	100%	
78	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh	107,439,681	60%	100%	
79	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	46,197,821	40%	100%	
80	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	229,712,443	85%	100%	
81	HHP	CTCP HHP GLOBAL	86,554,343	65%	100%	
82	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy	431,985,968	40%	100%	
83	HID	CTCP Halcom Việt Nam	76,756,321	55%	100%	
84	HII	CTCP An Tiến Industries	73,663,016	45%	100%	
85	HMC	CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	27,299,999	30%	100%	
86	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát	304,168,581	85%	100%	
87	HQC	CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	626,599,274	80%	100%	
88	HRC	CTCP Cao Su Hòa Bình	30,206,622	11%	100%	
89	HSL	CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	38,567,363	85%	100%	
90	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	36,002,708	35%	100%	
91	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico	24,949,200	40%	100%	
92	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons	89,116,411	60%	100%	
93	HTV	CTCP Logistics Vicem	13,104,000	20%	100%	
94	HU1	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD1	10,000,000	20%	100%	
95	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	30,242,878	40%	100%	
96	HVH	CTCP Đầu tư và công nghệ HVC	69,837,754	35%	100%	
97	ICT	CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện	32,185,000	50%	100%	
98	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	273,172,668	45%	100%	
99	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật	629,580,640	50%	100%	
100	ILB	CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình	38,199,492	45%	100%	
101	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	95,935,049	45%	100%	
102	ITD	CTCP Công Nghệ ITD	26,172,807	55%	100%	
103	JVC	CTCP Đầu tư Y tế - Dược Phẩm Việt Nam	112,500,171	65%	100%	
104	KHG	CTCP Tập đoàn Khai Hoàn Land	449,435,205	55%	100%	
105	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa	60,376,746	50%	100%	
106	KMR	CTCP MIRAE	56,877,807	45%	100%	
107	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	114,443,703	75%	100%	
108	LAF	CTCP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	15,228,019	15%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
109	LBM	CTCP Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	50,000,000	35%	100%	
110	LCG	CTCP Lizen	206,602,129	95%	100%	
111	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang	51,497,100	50%	100%	
112	LHG	CTCP Long Hậu	50,012,010	50%	100%	
113	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	64,800,000	35%	100%	
114	LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn	90,026,592	45%	100%	
115	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	110,000,000	35%	100%	
116	MCP	CTCP In và Bao Bì Mỹ Châu	19,868,149	15%	100%	
117	MDG	CTCP Miền Đông	10,324,781	20%	100%	
118	MHC	CTCP MHC	43,476,198	30%	100%	
119	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội	211,503,463	35%	100%	
120	MSH	CTCP Máy Sóng hồng	112,521,020	40%	100%	
121	NAF	CTCP Nafoods Group	61,181,992	55%	100%	
122	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy	100,159,795	20%	100%	
123	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26,165,732	35%	100%	
124	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	71,267,839	55%	100%	
125	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	112,964,000	20%	100%	
126	NHT	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	24,003,698	30%	100%	
127	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ	21,920,000	25%	100%	
128	NO1	CTCP Tập đoàn 911	24,600,000	55%	100%	
129	NTC	CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	23,999,980	30%	100%	
130	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm	121,979,900	65%	100%	
131	OGC	CTCP Tập Đoàn Đại Dương	299,999,999	45%	100%	
132	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	623,930,904	50%	100%	
133	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam	76,678,060	35%	100%	
134	PDV	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	79,314,926	25%	100%	
135	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	154,747,089	70%	100%	
136	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP	60,339,285	30%	100%	
137	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings	50,681,927	80%	100%	
138	PIT	CTCP Xuất Nhập khẩu Petrolimex	14,210,225	14%	100%	
139	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	89,999,847	50%	100%	
140	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	46,336,278	20%	100%	
141	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	320,613,054	30%	100%	
142	PTB	CTCP Phú Tài	100,407,074	55%	100%	
143	PTC	CTCP Đầu tư Icapital	32,191,624	35%	100%	
144	PVP	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	103,702,452	30%	100%	
145	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	275,129,141	40%	100%	
146	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông	23,547,419	30%	100%	
147	RYG	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	45,000,000	40%	100%	
148	SAM	CTCP SAM Holdings	402,753,343	85%	100%	
149	SAV	CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	27,334,710	40%	100%	
150	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	59,999,955	40%	100%	
151	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	430,595,036	65%	100%	
152	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	95,907,682	45%	100%	
153	SFI	CTCP Đại Lý Vận Tải Safi	24,312,034	20%	100%	
154	SGN	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	33,498,591	45%	100%	
155	SGR	CTCP Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn	69,874,989	50%	100%	
156	SGT	CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	148,003,208	20%	100%	
157	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	35,118,632	45%	100%	
158	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	169,949,549	70%	100%	
159	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68,998,620	50%	100%	
160	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang	66,497,697	60%	100%	
161	SMB	CTCP Bía Sài Gòn - Miền Trung	29,846,648	35%	100%	
162	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng	36,482,378	14%	100%	
163	ST8	CTCP Tập đoàn ST8	25,720,902	100%	100%	
164	STK	CTCP Sợi Thép Kỹ	154,135,443	30%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
165	SVD	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	27,605,908	40%	100%	
166	SVT	CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	17,310,978	25%	100%	
167	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	179,985,863	40%	100%	
168	SZL	CTCP Sonadezi Long Thành	27,902,540	35%	100%	
169	TCI	CTCP Chứng khoán Thành Công	115,620,964	40%	100%	
170	TCL	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	30,158,436	45%	100%	
171	TCM	CTCP - Dệt May - Đầu Tư - Thương Mại Thành Công	117,638,627	40%	100%	
172	TCO	CTCP JANUS GROUP	31,320,622	55%	100%	
173	TCT	CTCP Cấp Treo Núi Bà Tây Ninh	12,788,000	55%	100%	
174	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương	127,228,000	40%	100%	
175	TDG	CTCP Đầu tư TDG GLOBAL	24,211,190	80%	100%	
176	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức	112,652,767	55%	100%	
177	TDP	CTCP Thuận Đức	93,699,574	35%	100%	
178	TEG	CTCP Trường Thành Energy Group	120,806,562	40%	100%	
179	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang	35,176,307	65%	100%	
180	TIP	CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp Tín Nghĩa	65,007,857	45%	100%	
181	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	77,741,356	50%	100%	
182	TLG	CTCP Tập Đoàn Thiên Long	96,528,340	40%	100%	
183	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	112,320,017	65%	100%	
184	TMT	CTCP Ôtô TMT	36,877,980	20%	100%	
185	TN1	CTCP ROX Key Holdings	60,095,480	30%	100%	
186	TNH	CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH	165,726,943	75%	100%	
187	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam	52,500,000	50%	100%	
188	TNT	CTCP Tập đoàn TNT	51,000,000	60%	100%	
189	TPC	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	16,816,956	20%	100%	
190	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh	30,000,000	30%	100%	
191	TSC	CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	196,858,925	60%	100%	
192	TTA	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	178,559,087	35%	100%	
193	TTF	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	393,532,434	75%	100%	
194	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	67,526,165	45%	100%	
195	TVB	CTCP Chứng khoán T-Cap	109,121,519	20%	100%	
196	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	228,639,917	45%	100%	
197	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico	8,300,000	30%	100%	
198	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	816,360,672	85%	100%	
199	VCA	CTCP Thép VICASA	15,187,322	30%	100%	
200	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	272,000,000	40%	100%	
201	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam	41,712,614	40%	100%	
202	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco	68,470,941	50%	100%	
203	VNL	CTCP Logistics Vinalink	14,140,487	80%	100%	
204	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	67,859,192	11%	100%	
205	VOS	CTCP Vận tải biển Việt Nam	140,000,000	50%	100%	
206	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	88,415,751	70%	100%	
207	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng	95,357,800	45%	100%	
208	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	24,460,792	25%	100%	
209	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	50,000,000	25%	100%	
210	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	13,199,997	25%	100%	
211	VTB	CTCP Viettronics Tân Bình	10,804,520	45%	100%	
212	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	79,866,666	45%	100%	
213	VVS	CTCP Đầu tư Phát triển máy Việt Nam	43,050,000	35%	100%	
214	YBM	CTCP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	32,174,525	14%	100%	
215	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	205,226,448	70%	100%	

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VNALLSHARE

Kỳ 7/2026

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh	393,742,730	50%	100%	
2	AAM	CTCP Thủy Sản Mekong	10,451,182	35%	100%	
3	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	11,777,257	20%	100%	
4	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,804,421,957	85%	100%	
5	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	104,999,993	30%	100%	
6	ACG	CTCP Gỗ An Cường	150,787,946	11%	100%	
7	ACL	CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang	50,159,019	20%	100%	
8	ADG	CTCP Clever Group	21,380,521	30%	100%	
9	ADP	CTCP Sơn Á Đông	23,039,850	35%	100%	
10	ADS	CTCP DAMSAN	76,394,727	55%	100%	
11	AFX	CTCP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	35,000,000	40%	100%	
12	AGG	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	162,528,081	60%	100%	
13	AGR	CTCP Chứng khoán Argibank	228,311,776	30%	100%	
14	ANV	CTCP Nam Việt	266,255,750	30%	100%	
15	APG	CTCP Chứng khoán APG	223,621,942	80%	100%	
16	APH	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	243,884,268	60%	100%	
17	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai	407,194,183	55%	100%	
18	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí An Pha	37,339,542	40%	100%	
19	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco	54,000,000	30%	100%	
20	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	364,824,906	70%	100%	
21	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương	41,999,846	55%	100%	
22	BCM	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP	1,035,000,000	4%	100%	
23	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền	57,167,993	30%	100%	
24	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	202,067,057	15%	100%	
25	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	7,280,065,210	6%	100%	
26	BKG	CTCP Đầu tư BKG Việt Nam	71,609,020	70%	100%	
27	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định	12,392,630	60%	100%	
28	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	150,547,626	30%	100%	
29	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	81,860,938	45%	100%	
30	BRC	CTCP Cao Su Bến Thành	12,374,997	13%	100%	
31	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV	269,901,549	14%	100%	
32	BSR	CTCP - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam	5,007,299,686	8%	100%	
33	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa	60,485,600	20%	100%	
34	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt	742,322,764	10%	100%	
35	BWE	CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	219,928,644	25%	100%	
36	C32	CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2	30,058,290	35%	100%	
37	C47	CTCP Xây Dựng 47	36,342,269	50%	100%	
38	CCC	CTCP Xây dựng CDC	41,054,987	20%	100%	
39	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	65,539,559	80%	100%	
40	CDC	CTCP Chương Dương	105,545,322	50%	100%	
41	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung	157,658,076	30%	100%	
42	CIG	CTCP COMA18	51,039,947	40%	100%	
43	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	671,985,291	95%	100%	
44	CKG	CTCP Tập đoàn CIC	161,807,526	80%	100%	
45	CLL	CTCP Cảng Cát Lái	34,000,000	45%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
46	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	232,900,908	40%	100%	
47	CMX	CTCP Camimex Group	101,898,990	40%	100%	
48	CNG	CTCP CNG Việt Nam	35,099,298	30%	100%	
49	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam	106,699,924	50%	100%	
50	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỳ	463,678,426	40%	100%	
51	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam	103,625,262	45%	100%	
52	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	110,499,910	35%	100%	
53	CTD	CTCP Xây Dựng Cotecons	111,823,220	55%	100%	
54	CTF	CTCP City Auto	95,653,859	45%	100%	
55	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7,766,944,637	15%	100%	
56	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico	62,999,997	90%	100%	
57	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	128,112,184	35%	100%	
58	CTS	CTCP Chứng khoán VIETINBANK	272,244,939	25%	100%	
59	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	30,259,742	45%	100%	
60	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	84,200,000	65%	100%	
61	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam	431,046,499	70%	100%	
62	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	94,489,262	80%	100%	
63	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre	21,967,262	30%	100%	
64	DC4	CTCP DICERA HOLDINGS	108,059,274	50%	100%	
65	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long	73,041,030	40%	100%	
66	DCM	CTCP - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	529,400,000	25%	100%	
67	DGW	CTCP Thế Giới Số	221,168,700	55%	100%	
68	DHA	CTCP Hóa An	14,721,073	45%	100%	
69	DHC	CTCP Đông Hải Bến Tre	106,250,326	70%	100%	
70	DHM	CTCP Đầu tư và Thương mại DHM	34,535,699	30%	100%	
71	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	796,431,191	95%	100%	
72	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	299,309,720	70%	100%	
73	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	118,587,096	55%	100%	
74	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	679,925,021	40%	100%	
75	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	86,885,932	45%	100%	
76	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng	154,429,283	50%	100%	
77	DRL	CTCP Thủy Điện - Điện Lực 3	9,500,000	70%	100%	
78	DSC	CTCP Chứng khoán DSC	278,471,711	15%	100%	
79	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	428,249,806	35%	100%	
80	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen	12,083,009	55%	100%	
81	DTA	CTCP Đệ Tam	19,504,499	55%	100%	
82	DVP	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Cảng Đình Vũ	40,000,000	30%	100%	
83	DXG	CTCP Bluemarq Group	1,268,104,965	80%	100%	
84	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	579,103,124	40%	100%	
85	DXV	CTCP Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	9,900,000	25%	100%	
86	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,862,720,607	80%	100%	
87	ELC	CTCP Công nghệ - Viễn thông ELCOM	110,047,218	60%	100%	
88	EVE	CTCP Everpia	41,979,773	70%	100%	
89	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực	760,565,802	95%	100%	
90	EVG	CTCP Tập đoàn Everland	226,012,327	55%	100%	
91	FCM	CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam	46,226,626	50%	100%	
92	FCN	CTCP Fecon	157,439,005	65%	100%	
93	FIR	CTCP Địa ốc First Real	70,669,620	80%	100%	
94	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T	339,933,034	70%	100%	
95	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta	65,388,889	20%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
96	FPT	CTCP FPT	1,703,507,121	85%	100%	
97	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	178,816,874	55%	100%	
98	FTS	CTCP Chứng khoán FPT	381,145,750	40%	100%	
99	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	2,412,949,756	5%	100%	
100	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành	27,075,830	55%	100%	
101	GEE	CTCP Điện lực Gelex	640,499,211	14%	100%	
102	GEG	CTCP Điện Gia Lai	376,220,525	25%	100%	
103	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	1,308,471,358	70%	100%	
104	GIL	CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	101,596,218	80%	100%	
105	GMD	CTCP Gemadept	426,495,109	95%	100%	
106	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	67,517,050	30%	100%	
107	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	4,000,000,000	4%	100%	
108	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	1,267,399,283	50%	100%	
109	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	188,340,401	60%	100%	
110	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco	110,942,302	25%	100%	
111	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền	95,684,090	70%	100%	
112	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh	107,439,681	60%	100%	
113	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	46,197,821	40%	100%	
114	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	1,079,956,671	55%	100%	
115	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	5,005,276,323	80%	100%	
116	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	229,712,443	85%	100%	
117	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô	406,957,333	60%	100%	
118	HHP	CTCP HHP GLOBAL	86,554,343	65%	100%	
119	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy	431,985,968	40%	100%	
120	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	574,524,610	85%	100%	
121	HID	CTCP Halcom Việt Nam	76,756,321	55%	100%	
122	HII	CTCP An Tiến Industries	73,663,016	45%	100%	
123	HMC	CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	27,299,999	30%	100%	
124	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	8,442,964,520	60%	100%	
125	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát	304,168,581	85%	100%	
126	HQC	CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	626,599,274	80%	100%	
127	HRC	CTCP Cao Su Hòa Bình	30,206,622	11%	100%	
128	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	807,262,704	70%	100%	
129	HSL	CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà	38,567,363	85%	100%	
130	HT1	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên	381,589,911	25%	100%	
131	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	36,002,708	35%	100%	
132	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico	24,949,200	40%	100%	
133	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons	89,116,411	60%	100%	
134	HTV	CTCP Logistics Vicem	13,104,000	20%	100%	
135	HU1	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD1	10,000,000	20%	100%	
136	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế	30,242,878	40%	100%	
137	HVH	CTCP Đầu tư và công nghệ HVC	69,837,754	35%	100%	
138	ICT	CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện	32,185,000	50%	100%	
139	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	273,172,668	45%	100%	
140	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật	629,580,640	50%	100%	
141	ILB	CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình	38,199,492	45%	100%	
142	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà	95,935,049	45%	100%	
143	ITD	CTCP Công Nghệ ITD	26,172,807	55%	100%	
144	JVC	CTCP Đầu tư Y tế - Dược Phẩm Việt Nam	112,500,171	65%	100%	
145	KBC	Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP	941,754,759	65%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
146	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	276,345,300	45%	100%	
147	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền	1,122,214,899	65%	100%	
148	KHG	CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	449,435,205	55%	100%	
149	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa	60,376,746	50%	100%	
150	KMR	CTCP MIRAE	56,877,807	45%	100%	
151	KOS	CTCP KOSY	216,481,335	40%	100%	
152	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương	114,443,703	75%	100%	
153	LAF	CTCP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	15,228,019	15%	100%	
154	LBM	CTCP Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	50,000,000	35%	100%	
155	LCG	CTCP Lizen	206,602,129	95%	100%	
156	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang	51,497,100	50%	100%	
157	LHG	CTCP Long Hậu	50,012,010	50%	100%	
158	LIX	CTCP Bột Giặt Lix	64,800,000	35%	100%	
159	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	2,987,282,100	90%	100%	
160	LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn	90,026,592	45%	100%	
161	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	8,054,999,909	50%	100%	
162	MCH	CTCP Hàng tiêu dùng Masan	1,294,493,545	20%	100%	
163	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	110,000,000	35%	100%	
164	MCP	CTCP In và Bao Bì Mỹ Châu	19,868,149	15%	100%	
165	MDG	CTCP Miền Đông	10,324,781	20%	100%	
166	MHC	CTCP MHC	43,476,198	30%	100%	
167	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội	211,503,463	35%	100%	
168	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3,120,000,000	70%	100%	
169	MSH	CTCP May Sông hồng	112,521,020	40%	100%	
170	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan	1,445,915,457	60%	100%	
171	MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	1,468,423,529	75%	100%	
172	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	2,058,822,282	80%	100%	
173	NAF	CTCP Nafoods Group	61,181,992	55%	100%	
174	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy	100,159,795	20%	100%	
175	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	26,165,732	35%	100%	
176	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội	71,267,839	55%	100%	
177	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội	112,964,000	20%	100%	
178	NHT	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	24,003,698	30%	100%	
179	NKG	CTCP Thép Nam Kim	492,323,961	75%	100%	
180	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	485,097,383	80%	100%	
181	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ	21,920,000	25%	100%	
182	NO1	CTCP Tập đoàn 911	24,600,000	55%	100%	
183	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	287,876,029	30%	100%	
184	NTC	CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên	23,999,980	30%	100%	
185	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm	121,979,900	65%	100%	
186	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	2,402,067,972	55%	100%	
187	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3,062,510,126	30%	100%	
188	OGC	CTCP Tập Đoàn Đại Dương	299,999,999	45%	100%	
189	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong	623,930,904	50%	100%	
190	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam	76,678,060	35%	100%	
191	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN	250,673,166	45%	100%	
192	PC1	CTCP Tập đoàn PC1	411,285,343	60%	100%	
193	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	997,809,379	60%	100%	
194	PDV	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	79,314,926	25%	100%	
195	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	154,747,089	70%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
196	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP	60,339,285	30%	100%	
197	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings	50,681,927	80%	100%	
198	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	135,499,198	35%	100%	
199	PIT	CTCP Xuất Nhập khẩu Petrolimex	14,210,225	14%	100%	
200	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	89,999,847	50%	100%	
201	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1,270,592,235	10%	100%	
202	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung	46,336,278	20%	100%	
203	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	511,721,959	90%	100%	
204	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	3,067,845,688	20%	100%	
205	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phá Lại	320,613,054	30%	100%	
206	PTB	CTCP Phú Tài	100,407,074	55%	100%	
207	PTC	CTCP Đầu tư Icapital	32,191,624	35%	100%	
208	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí	927,763,730	50%	100%	
209	PVP	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	103,702,452	30%	100%	
210	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí	516,924,358	50%	100%	
211	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	275,129,141	40%	100%	
212	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông	23,547,419	30%	100%	
213	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	622,899,036	35%	100%	
214	RYG	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	45,000,000	40%	100%	
215	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1,282,562,372	11%	100%	
216	SAM	CTCP SAM Holdings	402,753,343	85%	100%	
217	SAV	CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex	27,334,710	40%	100%	
218	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	59,999,955	40%	100%	
219	SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	906,415,042	60%	100%	
220	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	430,595,036	65%	100%	
221	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	95,907,682	45%	100%	
222	SFI	CTCP Đại Lý Vận Tải Safi	24,312,034	20%	100%	
223	SGN	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	33,498,591	45%	100%	
224	SGR	CTCP Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn	69,874,989	50%	100%	
225	SGT	CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	148,003,208	20%	100%	
226	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn	35,118,632	45%	100%	
227	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5,053,074,221	75%	100%	
228	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà	169,949,549	70%	100%	
229	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG	242,112,943	45%	100%	
230	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn	68,998,620	50%	100%	
231	SJS	CTCP SJ Group	297,474,828	80%	100%	
232	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang	66,497,697	60%	100%	
233	SMB	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung	29,846,648	35%	100%	
234	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng	36,482,378	14%	100%	
235	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3,428,800,000	55%	100%	
236	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	2,501,097,752	70%	100%	
237	ST8	CTCP Tập đoàn ST8	25,720,902	100%	100%	
238	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	1,885,215,716	95%	100%	
239	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ	154,135,443	30%	100%	
240	SVD	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng	27,605,908	40%	100%	
241	SVT	CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	17,310,978	25%	100%	
242	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	179,985,863	40%	100%	
243	SZL	CTCP Sonadezi Long Thành	27,902,540	35%	100%	
244	TAL	CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco	503,999,708	30%	100%	
245	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	7,086,240,414	55%	100%	

Stt	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
246	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	912,109,224	60%	100%	
247	TCI	CTCP Chứng khoán Thành Công	115,620,964	40%	100%	
248	TCL	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng	30,158,436	45%	100%	
249	TCM	CTCP - Dệt May - Đầu Tư - Thương Mại Thành Công	117,638,627	40%	100%	
250	TCO	CTCP JANUS GROUP	31,320,622	55%	100%	
251	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	12,788,000	55%	100%	
252	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	2,773,896,803	15%	100%	
253	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương	127,228,000	40%	100%	
254	TDG	CTCP Đầu tư TDG GLOBAL	24,211,190	80%	100%	
255	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức	112,652,767	55%	100%	
256	TDP	CTCP Thuận Đức	93,699,574	35%	100%	
257	TEG	CTCP Trường Thành Energy Group	120,806,562	40%	100%	
258	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang	35,176,307	65%	100%	
259	TIP	CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp Tín Nghĩa	65,007,857	45%	100%	
260	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	77,741,356	50%	100%	
261	TLG	CTCP Tập Đoàn Thiên Long	96,528,340	40%	100%	
262	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên	112,320,017	65%	100%	
263	TMT	CTCP Ô tô TMT	36,877,980	20%	100%	
264	TN1	CTCP ROX Key Holdings	60,095,480	30%	100%	
265	TNH	CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH	165,726,943	75%	100%	
266	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam	52,500,000	50%	100%	
267	TNT	CTCP Tập đoàn TNT	51,000,000	60%	100%	
268	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,774,046,873	55%	100%	
269	TPC	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng	16,816,956	20%	100%	
270	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh	30,000,000	30%	100%	
271	TSC	CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	196,858,925	60%	100%	
272	TTA	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	178,559,087	35%	100%	
273	TTF	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	393,532,434	75%	100%	
274	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2	67,526,165	45%	100%	
275	TVB	CTCP Chứng khoán T-Cap	109,121,519	20%	100%	
276	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt	228,639,917	45%	100%	
277	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico	8,300,000	30%	100%	
278	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á	816,360,672	85%	100%	
279	VCA	CTCP Thép VICASA	15,187,322	30%	100%	
280	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	8,355,675,094	11%	100%	
281	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	698,185,802	55%	100%	
282	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,147,631,925	75%	100%	
283	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%	100%	
284	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	272,000,000	40%	100%	
285	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam	41,712,614	40%	100%	
286	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	448,350,000	12%	100%	
287	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn	209,453,159	40%	100%	
288	VHM	CTCP Vinhomes	4,107,412,004	30%	100%	
289	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3,404,005,710	55%	100%	
290	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP	7,706,031,024	30%	58.21%	
291	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco	68,470,941	50%	100%	
292	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,450,287,772	100%	100%	
293	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	769,092,961	35%	100%	
294	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100%	
295	VNL	CTCP Logistics Vinalink	14,140,487	80%	100%	

Sst	Mã Cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Ghi chú
296	VNM	CTCP Sữa Việt Nam	2,089,955,445	40%	100%	
297	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam	67,859,192	11%	100%	
298	VOS	CTCP Vận tải biển Việt Nam	140,000,000	50%	100%	
299	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	7,933,923,601	55%	100%	
300	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	88,415,751	70%	100%	
301	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng	95,357,800	45%	100%	
302	VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú	320,049,577	50%	100%	
303	VPL	CTCP Vinpearl	1,793,300,377	15%	100%	
304	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	24,460,792	25%	100%	
305	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%	100%	
306	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC	50,000,000	25%	100%	
307	VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100%	
308	VSC	CTCP Container Việt Nam	374,370,362	95%	100%	
309	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước	13,199,997	25%	100%	
310	VTB	CTCP Viettronics Tân Bình	10,804,520	45%	100%	
311	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco	79,866,666	45%	100%	
312	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	201,894,288	40%	100%	
313	VVS	CTCP Đầu tư Phát triển máy Việt Nam	43,050,000	35%	100%	
314	YBM	CTCP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	32,174,525	14%	100%	
315	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1	205,226,448	70%	100%	

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN
CÁC CHỈ SỐ NGÀNH VNALLSHARE SECTOR INDICES

Kỳ 7/2026

STT	CỔ PHIẾU	TÊN CÔNG TY
VNAllshare Năng lượng		
1	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí An Pha
2	BSR	CTCP - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam
3	CNG	CTCP CNG Việt Nam
4	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế
5	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP
6	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
7	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí
8	PVP	CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
9	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí
10	TDG	CTCP Đầu tư TDG GLOBAL

VNAllshare Nguyên vật liệu		
1	AAA	CTCP Nhựa An Phát Xanh
2	ACC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC
3	ACG	CTCP Gỗ An Cường
4	ADP	CTCP Sơn Á Đông
5	APH	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
6	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền
7	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định
8	CRC	CTCP Create Capital Việt Nam
9	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam
10	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico
11	DCM	CTCP - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau
12	DHA	CTCP Hóa An
13	DHC	CTCP Đông Hải Bến Tre
14	DHM	CTCP Đầu tư và Thương mại DHM
15	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
16	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú
17	DXV	CTCP Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng
18	FCM	CTCP Bê tông Phan Vũ Hà Nam
19	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
20	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco
21	HHP	CTCP HHP GLOBAL
22	HII	CTCP An Tiến Industries
23	HMC	CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL
24	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát
25	HRC	CTCP Cao Su Hòa Bình
26	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen
27	HT1	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên
28	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
29	LBM	CTCP Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
30	MCP	CTCP In và Bao Bì Mỹ Châu
31	NHH	CTCP Nhựa Hà Nội
32	NKG	CTCP Thép Nam Kim
33	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ
34	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa
35	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
36	TDP	CTCP Thuận Đức
37	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang
38	TLD	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long
39	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên
40	TNT	CTCP Tập đoàn TNT
41	TPC	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng
42	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh
43	VCA	CTCP Thép VICASA
44	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam
45	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam
46	YBM	CTCP Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái

VNAllshare Công nghiệp		
1	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương
2	BKG	CTCP Đầu tư BKG Việt Nam
3	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh
4	BRC	CTCP Cao Su Bến Thành
5	C32	CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2
6	C47	CTCP Xây Dựng 47
7	CCC	CTCP Xây dựng CDC
8	CDC	CTCP Chương Dương
9	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM
10	CLL	CTCP Cảng Cát Lái
11	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons
12	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel
13	DC4	CTCP DICERA HOLDINGS
14	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng
15	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
16	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương
17	DVP	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Cảng Đình Vũ
18	EVG	CTCP Tập đoàn Everland
19	FCN	CTCP Fecon
20	GEE	CTCP Điện lực Gelex
21	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX
22	GMD	CTCP Gemadept
23	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An
24	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD
25	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô
26	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả
27	HID	CTCP Halcom Việt Nam
28	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico
29	HTN	CTCP Hưng Thịnh Incons
30	HTV	CTCP Logistics Vicem
31	HU1	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD1
32	HUB	CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế
33	HVH	CTCP Đầu tư và công nghệ HVC
34	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật
35	ILB	CTCP ICD Tân Cảng - Long Bình
36	ITD	CTCP Công Nghệ ITD
37	LCG	CTCP Lizen
38	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang
39	MDG	CTCP Miền Đông
40	MHC	CTCP MHC
41	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài
42	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội
43	NO1	CTCP Tập đoàn 911
44	PC1	CTCP Tập đoàn PC1
45	PDV	CTCP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt
46	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí
47	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings
48	PIT	CTCP Xuất Nhập khẩu Petrolimex

49	PTC	CTCP Đầu tư Icapital
50	RAL	CTCP Bổng Đèn Phích Nước Rạng Đông
51	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh
52	RYG	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
53	SAM	CTCP SAM Holdings
54	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba
55	SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
56	SFI	CTCP Đại Lý Vận Tải Safi
57	SGN	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
58	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn
59	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà
60	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang
61	ST8	CTCP Tập đoàn ST8
62	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
63	TCL	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng
64	TCO	CTCP JANUS GROUP
65	TIP	CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp Tín Nghĩa
66	TLG	CTCP Tập Đoàn Thiên Long
67	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam
68	TSC	CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ
69	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2
70	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
71	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP
72	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco
73	VJC	CTCP Hàng không Vietjet
74	VNL	CTCP Logistics Vinalink
75	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam
76	VOS	CTCP Vận tải biển Việt Nam
77	VPG	CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
78	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC
79	VSC	CTCP Container Việt Nam
80	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước
81	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vitaco
82	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel

VNAllshare Hàng tiêu dùng		
1	ADS	CTCP DAMSAN
2	AST	CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco
3	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
4	CTF	CTCP City Auto
5	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á
6	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng
7	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen
8	EVE	CTCP Everpia
9	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT
10	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành
11	GIL	CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
12	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh
13	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy
14	HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ
15	KMR	CTCP MIRAE
16	MSH	CTCP May Sông hồng
17	MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động
18	NHT	CTCP Sản xuất và Thương mại Nam Hoa
19	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam
20	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
21	PTB	CTCP Phú Tài
22	SAV	CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
23	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng
24	STK	CTCP Sợi Thế Kỷ
25	SVD	CTCP Đầu tư & Thương mại Vũ Đăng
26	SVT	CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
27	TCM	CTCP - Dệt May - Đầu Tư - Thương Mại Thành Công
28	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh
29	TMT	CTCP Ôtô TMT
30	TTF	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành
31	VPL	CTCP Vinpearl
32	VTB	CTCP Viettronics Tân Bình
33	VVS	CTCP Đầu tư Phát triển máy Việt Nam

VNAllshare Hàng tiêu dùng thiết yếu		
1	AAM	CTCP Thủy Sản Mekong
2	ABT	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
3	ACL	CTCP Xuất Nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang
4	AFX	CTCP Xuất Nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang
5	ANV	CTCP Nam Việt
6	BAF	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
7	CMX	CTCP Camimex Group
8	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam
9	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta
10	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai
11	HSL	CTCP Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà
12	IDI	CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
13	KDC	CTCP Tập đoàn KIDO
14	LAF	CTCP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An
15	LIX	CTCP Bột Giặt Lix
16	LSS	CTCP Mía đường Lam Sơn
17	MCH	CTCP Hàng tiêu dùng Masan
18	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu
19	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan
20	NAF	CTCP Nafoods Group
21	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN
22	SAB	Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
23	SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
24	SMB	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung
25	VHC	CTCP Vĩnh Hoàn
26	VNM	CTCP Sữa Việt Nam

VNAllshare Chăm sóc sức khỏe		
1	DBD	CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định
2	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre
3	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long
4	JVC	CTCP Đầu tư Y tế - Dược Phẩm Việt Nam
5	TNH	CTCP Tập đoàn Bệnh viện TNH

VNAllshare Tài chính		
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu
2	AGR	CTCP Chứng khoán Argibank
3	APG	CTCP Chứng khoán APG
4	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
5	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam
6	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh
7	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV
8	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt
9	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
10	CTS	CTCP Chứng khoán VIETINBANK
11	DSC	CTCP Chứng khoán DSC
12	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE
13	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam
14	EVF	Công ty Tài chính tổng hợp Cổ phần Điện lực
15	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T
16	FTS	CTCP Chứng khoán FPT
17	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM
18	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM
19	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
20	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
21	MIG	Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội
22	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
23	NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á
24	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông
25	OGC	CTCP Tập Đoàn Đại Dương
26	ORS	CTCP Chứng khoán Tiên Phong
27	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
28	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
29	SSI	CTCP Chứng khoán SSI
30	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc
31	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
32	TCI	CTCP Chứng khoán Thành Công
33	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương
34	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
35	TVB	CTCP Chứng khoán T-Cap
36	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
37	VAB	Ngân hàng TMCP Việt Á
38	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
39	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap
40	VCK	CTCP Chứng khoán VPS
41	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
42	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
43	VIX	CTCP Chứng khoán VIX
44	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT
45	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng
46	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK

VNAllshare Công nghệ thông tin		
1	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC
2	DGW	CTCP Thế Giới Số
3	ELC	CTCP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
4	FPT	CTCP FPT
5	ICT	CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện

VNAllshare Dịch vụ tiện ích		
1	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa
2	BWE	CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương
3	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung
4	DRL	CTCP Thủy Điện - Điện Lực 3
5	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
6	GEG	CTCP Điện Gia Lai
7	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa
8	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
9	PMG	CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung
10	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
11	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại
12	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn
13	TTA	CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
14	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico

VNAllshare Bất động sản		
1	AGG	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia
2	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai
3	BCM	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP
4	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
5	CIG	CTCP COMA18
6	CKG	CTCP Tập đoàn CIC
7	CRE	CTCP Bất động sản Thế Kỷ
8	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2
9	DTA	CTCP Đệ Tam
10	DXG	CTCP Bluemarq Group
11	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh
12	FIR	CTCP Địa ốc First Real
13	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền
14	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu
15	HPX	CTCP Đầu tư Hải Phát
16	HQC	CTCP Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
17	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà
18	KBC	Tổng Công ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP
19	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền
20	KHG	CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land
21	KOS	CTCP KOSY
22	LHG	CTCP Long Hậu
23	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy
24	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long
25	NTC	CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên
26	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm
27	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
28	PDR	CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt
29	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai
30	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
31	SGR	CTCP Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn
32	SIP	CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG
33	SJS	CTCP SJ Group
34	SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức
35	SZL	CTCP Sonadezi Long Thành
36	TAL	CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco
37	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương
38	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức
39	TEG	CTCP Trường Thành Energy Group
40	TN1	CTCP ROX Key Holdings
41	VHM	CTCP Vinhomes
42	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP
43	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng
44	VPI	CTCP Phát triển Bất động sản Văn Phú
45	VRE	CTCP Vincom Retail

Ngành mới chưa có chỉ số		
1	ADG	CTCP Clever Group
2	SGT	CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn
3	YEG	CTCP Tập đoàn Yeah1